TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HC-ST
Ngày 28-01-2019
V/v khiếu kiện hành vi hành chính về việc không bảo vệ hiện trường, lập hồ sơ vụ việc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quốc.

Ông N1 Việt Thắng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Dương Thị Thêu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Bà Võ Hồng Luyến – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và 28 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2018/TLST - HC ngày 18 tháng 9 năm 2018 về "*Khiếu kiện hành vi hành chính về việc không bảo vệ hiện trường và lập hồ sơ vụ việc*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 524/2018/QĐXXST – HC ngày 26 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện*: Bà **Trần Nguyệt A**, sinh năm 1956 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

- *Người bị kiện*: **Trưởng Công an xã P**.

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng N – Chức vụ: Trưởng Công an (có mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.*

+ Công an xã P.

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng N – Chức vụ: Trưởng Công an (có mặt).

+ Anh Trần Thanh H, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp ĐA, xã PH, huyện CN, tỉnh Cà Mau.

+ Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1955 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp RB, xã PL, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 03/9/2018 và ngày 18/9/2018; biên bản đối thoại ngày 02/11/2018; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người khởi kiện bà Trần Nguyệt A trình bày:* Ngày 26/10/2017 ông Đ đến nhà bà xem tôm và báo giá thỏa thuận tôm sú 40 con/kg giá 170.000 đồng, cộng trừ mỗi con 2.000 đồng, bà đồng ý bán. Ông Đ và anh H là lái tôm làm hợp đồng đặc cọc với bà, anh H đặc cọc 10.000.000 đồng. Khi phân tỷ lệ tôm là 41,5 con/kg, tổng số tôm 356,1kg thành tiền 59.700.000 đồng. Nhưng anh H tính 01kg tôm chênh lệch 40.000 đồng là không đúng, bà không đồng ý và hai bên cự cải. Bà điện thoại báo cho ông N1 Hoàng N là Trưởng Công an xã P rất nhiều lần nhưng ông N nói không rãnh rồi cúp máy. Sau đó bà điện thoại báo cho ông Diệp Văn N1 – Phó Trưởng công an xã P yêu cầu đem xe tôm và anh H về UBND xã P lập biên bản nhưng ông N1 giải thích với bà trong thời gian khoảng 1,5 tiếng, sau đó phân công anh M1 và anh Vĩnh đến thì anh H đã cho xe tôm chạy đi khỏi hiện trường. Bà yêu cầu công an xã kêu xe trở lại lập biên bản hiện trường, anh M1 xin ý kiến ông N1 nhưng ông N1 không cho lập biên bản, anh M1 và anh Vĩnh bỏ ra về gây thiệt hại cho bà 13.752.000 đồng. Nay bà Trần Nguyệt A yêu cầu xử lý hành vi hành chính thiếu tinh thần trách nhiệm của Trưởng công an xã P và Phó Trưởng công an xã P gây thiệt hại cho bà hơn 13.752.000 đồng và yêu cầu bồi thường 13.750.000 đồng.

- *Tại biên bản đối thoại ngày 02/11/2018 và tại phiên tòa người bị kiện Trưởng công an xã P trình bày:* Ngày 26/10/2018 ông dự họp báo tại Công an huyện TVT và phân công đồng chí Mai Vũ M là Phó trưởng công an xã trực lãnh đạo đơn vị, đồng chí Diệp Văn N1 được nghĩ phép theo quy định. Đến khoảng 14 giờ 15 phút cùng ngày, có số điện thoại lạ gọi 02 cuộc nhưng ông đang bận họp không nghe máy, đến cuộc gọi thứ 3 bắt máy thì nghe bà A nói có sự việc gian lận mua bán tôm, ông liền điện thoại về chỉ đạo đồng chí Mai Vũ M xử lý theo quy định, sau đó đồng chí Trần Văn M1 là Công an viên phụ trách ấp điện thoại cho ông báo cáo tình hình, ông nói đã giao nhiệm vụ cho đồng chí M trực chỉ huy giải quyết nên báo cáo cho đồng chí M, sau đó chỉ đạo báo cáo lại cho ông. Ngoài ra, bà A không có điện thoại gì lại cho ông. Khi về Cơ quan gần 05 giờ chiều cùng ngày, ông không nghe đồng chí M báo lại và có thấy đồng chí M và bà A đứng ở ngoài nói chuyện với nhau. Sáng hôm sau thấy đơn yêu cầu của bà A nên chỉ đạo đồng chí M đây là tranh chấp dân sự và hướng dẫn bà A yêu cầu cơ quan đúng thẩm quyền giải quyết. Do bà A không đồng tình nên có khiếu nại, tố cáo tại

UBND xã P và vụ việc đã được giải quyết đúng theo quy định. Nay ông không đồng ý theo nội dung khởi kiện của bà A.

- *Tại biên bản đối thoại ngày 02/11/2018 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ trình bày:* Bà A có nhờ ông kêu người thu mua tôm giùm nên ông có giới thiệu cho bà A. Sau đó ông điện thoại cho anh H và ghi lại giá thu mua tôm do anh H đưa ra nhưng lượng tôm pH trên 01 tấn, dưới 01 tấn thì thu mua khác. Sau đó, giữa bà A và anh H thỏa thuận thương lượng như thế nào ông không biết vì bận đi công việc riêng. Khi đến nơi bà A bán tôm thì không thấy cự cải, không thấy xe tôm, chỉ thấy anh H còn ngồi nhậu trong quán. Một lúc sau có thấy 02 công an viên đến đem theo hợp đồng thu mua tôm, ngoài ra ông không chứng kiến nội dung gì khác.

- *Tại biên bản ghi lời khai ngày 19/12/2018 anh Trần Thanh H trình bày:* Ông Nguyễn Văn Đ có gọi điện cho ông về việc có người bán tôm hầm, anh cho giá mua tôm để ông Đ liên hệ nếu bà A đồng ý thì ký hợp đồng. Do bà A đồng ý bán nên ngày 26/10/2018 anh trực tiếp đến nhà bà A thỏa thuận mua tôm và hai bên tự nguyện ký kết hợp đồng giao lại cho bà A giữ. Khi cân tôm xong anh cho xe tải đi để bán tôm cho công ty. Khoảng gần 02 tiếng sau khi xe chạy thì bà A phản ứng không đồng ý giá bán tôm, hai bên không thỏa thuận được thì bà A điện thoại cho Công an xã. Khoảng nữa tiếng sau có 02 công an viên hỏi bà A và xác định không có tranh chấp về trọng lượng, chỉ tranh chấp về giá cả nhưng có hợp đồng và thống nhất hai bên làm đúng hợp đồng nhưng bà A vẫn không đồng ý, phản ứng, la lối nên không ai làm gì được và cũng không có lập biên bản. Anh có thỏa thuận với bà A là bà phải chịu chi phí cho xe chạy lại nhưng bà A chỉ đồng ý trả tiền cọc và bà A cũng không chịu nhận tiền bán tôm nên anh gửi lại cho ông Đ để trả cho bà A. Nay anh xác định giữa anh và bà A mua bán tôm đúng hợp đồng đã ký kết.

- *Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa*

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành và thực hiện đúng quy định của pháp luật.

+ Về hướng giải quyết vụ án: Ngày 26/10/2017 ông N đi họp báo tại Công an huyện TVT, ông Diệp Văn N1 thì xin nghỉ phép theo quy định của pháp luật, hôm đó ông Mai Vũ M Phó Trưởng Công an xã P là người trực cơ quan theo sự phân công nên ông N có gọi về chỉ đạo ông M xử lý vụ việc. Sau đó, ông M chỉ đạo cho ông Vĩnh và ông M1 là Công an viên xuống làm việc nhưng lúc đó xe tôm của anh H đã chạy đi khỏi hiện trường nên không tiến hành việc lập biên bản được, đồng thời xem bản hợp đồng tôm sú 40 con/kg nhỏ giá 130.000 đồng, cộng trừ mỗi con 1.000 đồng bà A và anh H cùng tham gia ký tên. Nên ông Vĩnh và ông M1 vận động hai bên thỏa thuận, nếu không thống nhất thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết bằng một vụ kiện dân sự. Giữa anh H và bà A đã thỏa thuận giá cả và hai bên đã tiến hành mua bán theo đúng nội dung bản hợp đồng nên bà A không bị thiệt hại gì. Do đó, yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về việc xử lý

hành vi hành chính thiếu tinh thần trách nhiệm của ông N và ông N1 theo quy định của pháp luật**,** đồng thời yêu cầu ông N1 và ông N bồi thường cho bà 13.750.000 đồng là không có cơ sở. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khiếu kiện của bà A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Đ, anh H được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 158 Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ và anh H là đúng quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Bà Trần Nguyệt A khiếu kiện yêu cầu xử lý hành vi hành chính thiếu tinh thần trách nhiệm của Trưởng công an xã P, Phó Trưởng công an xã P vì không lập hồ sơ giải quyết việc tranh chấp mua bán tôm với anh H theo quy định và gây thiệt hại cho bà 13.750.000 đồng. Do đó, quan hệ tranh chấp được xác định là "Khiếu kiện hành vi hành chính về việc không bảo vệ hiện trường và lập hồ sơ vụ việc" được quy định tại Điều 3, Điều 30 và Điều 115 Luật tố tụng hành chính.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Đối tượng khởi kiện là hành vi hành chính được thực hiện bởi Trưởng Công an xã P, nên thủ tục giải quyết sơ thẩm thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật tố tụng hành chính.

[4] Về tư cách tham gia tố tụng của người bị kiện: Bà A khởi kiện ông Nguyễn Hoàng N là Trưởng công an xã, ông Diệp Văn N1 là Phó Trưởng công an xã. Quá trình giải quyết vụ án và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án xác định người bị kiện là Trưởng công an xã P và Phó Trưởng công an xã P là chưa phù hợp, bởi lẽ quyền và nghĩa vụ của Trưởng Công an xã P và Phó trưởng Công an xã P là đồng nhất; Trưởng Công an xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Công an xã và Phó trưởng Công an xã giúp Trưởng Công an xã thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng Công an xã theo quy định tại Điều 11 và 12 Pháp lệnh Công an xã ngày 21/11/2008. Do đó, Hội đồng xét xử xác định cho đúng quy định của pháp luật người bị kiện trong vụ án là Trưởng Công an xã P. Về đối tượng bồi thường trong vụ án: Trưởng hoặc Phó trưởng Công an xã P là người thi hành công vụ, nếu gây thiệt hại thì cơ quan là Công an xã có trách nhiệm bồi thường thiệt hại nên là người liên quan trong vụ án. Trưởng Công an, Phó trưởng Công an xã P hoặc cá nhân ông N1, ông N không có trách nhiệm bồi thường trong vụ án.

[5] Về thời hiệu khởi kiện : Việc khởi kiện của bà A là còn thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[6] Về đánh giá tính hợp pháp của hành vi hành chính bị khởi kiện:

[6.1] Về thẩm quyền bảo vệ hiện trường, lập hồ sơ vụ việc: Ngày 26/10/2017 bà A và anh H xảy ra tranh chấp hợp đồng mua bán tôm tại ấp RB, xã P, huyện TVT, bà A điện báo Công an xã P yêu cầu giữ xe tôm lại và lập biên bản sự việc tranh chấp giữa các bên vì cho rằng bị lừa đảo. Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 và Điều 9 Pháp lệnh Công an xã ngày 21/11/2008 thì thẩm quyền giải quyết thuộc Công an xã P.

[6.2] Về diễn biến hành vi hành chính không lập hồ sơ sự việc tranh chấp, không tạm giữ xe tôm: Ngày 26/10/2017 đồng chí Mai Vũ M - Phó trưởng Công an xã được phân công trực chỉ huy; Trưởng Công an xã đi họp; đồng chí Diệp Văn N1 là Phó trưởng Công an xã được nghĩ phép theo quy định. Đến khoảng 13 giờ ngày 26/10/2017 bà A và anh H có hợp đồng mua bán tôm công nghiệp, bà A là người bán, anh H là người mua. Trước khi thu mua hai bên thỏa thuận giá và có làm hợp đồng, bà A nhận tiền cọc 10.000.000 đồng, sau đó tiến hành cân tỷ lệ 41,5con/kg và kéo tôm cân trọng lượng tổng 356,1kg. Sau khi việc cân tôm hoàn thành thì giữa bà A với anh H xảy ra tranh chấp giá mua bán tôm, nên bà A điện báo Công an xã P xử lý theo quy định. Công an xã phân công đồng chí Trần Văn Vĩnh công an viên xã, đồng chí Trần Văn M1 công an viên phụ trách ấp đến hiện trường thì anh H đã cho xe tôm chạy đi bán, còn lại anh H và bà A đang tranh chấp giá mua bán tôm. Hai đồng chí công an viên có điện thoại báo cáo Ban chỉ huy về nguyên nhân, diễn biến tranh chấp và xác định là tranh chấp dân sự nên hướng dẫn bà A làm đơn yêu cầu gửi Công an xã. Sau đó, anh H gửi lại tiền mua tôm và các bên ra về, Công an xã không lập hồ sơ, biên bản sự việc. Quá trình xảy ra tranh chấp, bà A cho rằng có nhiều lần điện thoại liên hệ đồng chí Trưởng Công an xã nhưng không bắt máy; điện thoại cho đồng chí Diệp Văn N1 là Phó trưởng Công an xã nhưng lại hướng dẫn bà tranh chấp dân sự, không cho lập biên bản sự việc; công an viên đến chậm trễ nên anh H cho xe tôm đi khỏi hiện trường. Tuy nhiên, thời điểm này Trưởng Công an xã bận họp nên không bắt máy là phù hợp và đồng chí Diệp Văn N1 là Phó trưởng Công an xã được nghĩ phép theo quy định, nên không tham gia chỉ đạo giải quyết tình hình an ninh, trật tự tại địa phương là phù hợp. Bà A không chứng M được bà điện thoại báo cho đồng chí Trưởng Công an, Phó trưởng Công an lúc mấy giờ cho đến khi thời điểm xe tôm chạy đi, bởi các đồng chí làm nhiệm vụ cùng xác định sau khi nhận được thông tin, nhận chỉ đạo thì nhanh chóng có mặt tại hiện trường. Không chứng M được việc đồng chí N1 không cho lập biên bản sự việc, bởi việc không lập biên bản là do sơ suất của 02 đồng chí công an viên trực tiếp lại hiện trường. Ngoài ra, giữa bà A với anh H tự nguyện ký kết hợp đồng mua bán xong nên tiến hành bắt tôm cân trọng lượng, việc ký kết có hợp đồng và có đặt tiền cọc, sau khi cân tôm xong anh H cho lên xe và chạy đi thì phát sinh tranh chấp về giá mua bán nên đây là tranh chấp dân sự. Do đó, việc Công an xã không tạm giữ xe tôm là có cơ sở.

[6.3] Đối với yêu cầu của bà A yêu cầu xử lý hành vi thiếu tinh thần trách nhiệm, không lập biên bản của Trưởng Công an xã P thì thấy rằng: Từ diễn biến trên cho thấy trách nhiệm của Trưởng Công an xã chỉ đạo chưa sát tình hình, không lập được hồ sơ vụ việc là chưa đúng theo quy định tại khoản 1, 4, 6 Điều 9

Pháp lệnh Công an xã ngày 21/11/2008; khoản 3, Điều 4 Thông tư số 12/2010/TT-BCA ngày 08/4/2010 của Bộ công an, nên Chủ tịch UBND xã P đã chỉ đạo kiểm điểm đối với các đồng chí Ban chỉ huy Công an xã P về vai trò trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra cấp dưới trong việc thực hiện nhiệm vụ không đúng quy định pháp luật. Do đó, bà A khiếu kiện hành vi về việc Trưởng Công an xã không lập hồ sơ vụ việc là có cơ sở cần được chấp nhận tuyên trong bản án; hành vi hành chính này không thể tiếp tục thực hiện lại được nên không buộc thực hiện là có cơ sở.

[7] Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại cho bà 13.750.000 đồng thì thấy rằng: Giữa bà A với anh H tự nguyện ký kết hợp đồng mua bán xong nên tiến hành bắt tôm cân trọng lượng, việc ký kết có hợp đồng và có đặt tiền cọc, sau khi cân tôm xong anh H cho lên xe và chạy đi thì phát sinh tranh chấp về giá mua bán, đây là tranh chấp dân sự như các nhận định trên. Mặt khác, tại phiên tòa bà A xác định giữa bà với anh H chưa thống nhất giá tôm mua bán với nhau, nên yêu cầu hủy hợp đồng mua bán giữa bà với anh H và bồi thường thiệt hại cho bà. Ngoài ra, trường hợp Công an xã P có lập hồ sơ vụ việc hoặc không lập hồ sơ thì Công an xã cũng không gây thiệt hại gì cho bà A vì đây là tranh chấp dân sự giữa bà A với anh H. Bà A cho rằng trong việc mua bán gây thiệt hại cho bà thì có quyền khởi kiện anh H bằng vụ kiện dân sự khác tại Tòa án có thẩm quyền là có căn cứ.

[8] Về quan điểm của Đại diện viện kiểm sát về khiếu kiện hành vi hành chính là chưa phù hợp và yêu cầu bồi thường thiệt hại là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

[9] Án phí hành chính sơ thẩm Trưởng Công an xã P phải chịu theo quy định của pháp luật; bà A là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí dân sự cho bà A là đúng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 3; khoản 1 Điều 115; khoản 3 Điều 158; Điều 193; khoản 1 Điều 206 và khoản 1 Điều 348 Luật tố tụng hành chính. Khoản 2 Điều 3, Điều 9, Điều 11 và 12 Pháp lệnh Công an xã của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 21/11/2008; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khiếu kiện của bà A. Tuyên bố hành vi hành chính của Trưởng Công an xã P không lập hồ sơ vụ việc tranh chấp giá mua bán

tôm giữa bà A với anh Trần Thanh H xảy ra ngày 26/10/2017 tại ấp RB, xã P, huyện TVT, tỉnh Cà Mau là không đúng quy định pháp luật.

- Bác yêu cầu của bà Trần Nguyệt A yêu cầu Trưởng Công an xã P và Công an xã P bồi thường số tiền 13.750.000 đồng.

Án phí hành chính sơ thẩm Trưởng Công an xã P phải nộp 300.000 đồng. Bà Trần Nguyệt A không phải chịu án phí hành chính và án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà A 300.000 đồng dự nộp tại biên lai số 0008694 ngày 18/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CCTHADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu VP; Hồ sơ vụ án.

T/M:HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên